

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

09/2019
Số 27

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120



**Thực trạng cấu trúc vốn các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết
trên thị trường chứng khoán Việt Nam**







Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

Phó Tổng Biên tập

ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN
NGUYỄN LÊ THỦY

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH
PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ
PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG
TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG
PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN
PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ
PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474
Fax: 024.3747.3357
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Chi nhánh phía Nam

289 Điện Biên Phủ,
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 028 3933 0669

Quảng cáo và phát hành

Tại tòa soạn: 080.48310 / 0905 646 814
Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Nguyễn Phương Mai: Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại của Việt Nam	3
Bùi Văn Lương, Trần Thị Thanh Xuân: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các doanh nghiệp ngoài nhà nước khi đầu tư tại tỉnh Thái Nguyên	9
Nguyễn Thị Lệ Huyền: Các phương pháp đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo cách tiếp cận hiện đại	13
Trần Thị Lan Phương: Thực trạng cấu trúc vốn các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	17
Phạm Thu Hương, Nguyễn Ngọc Đạt, Nguyễn Thị Minh Huyền: Nghiên cứu hành vi tiêu dùng với sản phẩm rau sạch tại thị trường TP. Hồ Chí Minh	22
Nguyễn Ngọc Duy Phương, Đinh Kiệm, Huỳnh Văn Hậu: Nâng cao chất lượng dịch vụ và giữ chân khách hàng tại khu du lịch Hồ Tràm Osaka	27
Bùi Văn Trịnh, Nguyễn Thái Minh Trường: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh An Giang	31
Nguyễn Lan Phương: Nhân lực hành chính văn phòng - Nhu cầu trong doanh nghiệp hiện nay	35
Hà Văn Sơn, Bùi Như Tuyền: Các nhân tố tác động đến việc lựa chọn trang thương mại điện tử của người tiêu dùng khu vực TP. Hồ Chí Minh	38
Trần Hoàng Hiếu, Nguyễn Phú Sơn, Nguyễn Thùy Trang: Nghiên cứu chuỗi giá trị tôm sú ở vùng Tây Nam Bộ	42
Nguyễn Thị Hạnh Duyên, Nguyễn Thị Bích Thủy: Tác động của đặc điểm HĐQT đến hiệu quả tài chính của các công ty tư nhân ngành sản xuất niêm yết trên TTCK Việt Nam	47
Phạm Văn Tuấn, Bùi Thị Hồng Chinh: Nhận thức rủi ro ảnh hưởng đến ý định quyền góp cho các hoạt động gây quỹ từ thiện tự phát trên Facebook ...	51
Nguyễn Thị Thúy Vinh, Phạm Thị Duy Phương: Giải pháp marketing nhằm thu hút khách du lịch quốc tế đến Côn Đảo	56
Nguyễn Bá Nhâm: Ảnh hưởng của vốn xã hội, tiếp cận nguồn tài chính đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu của giảng viên các trường đại học khối kỹ thuật ở Việt Nam	60
Hồ Ngọc Khương: Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới gắn với chuỗi giá trị tại TP. Hồ Chí Minh	66
Nguyễn Văn Hiến, Dương Thị Huỳnh Như: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự căng thẳng trong công việc của giảng viên Trường Đại học An Giang	69
Trần Thị Lan Hương: Nghèo đa chiều và tăng trưởng bao trùm về giáo dục ở Việt Nam	73

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

IN THIS ISSUE

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

Phó Tổng Biên tập

ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN
NGUYỄN LỆ THỦY

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH
PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ
PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG
TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG
PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN
PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ
PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Chi nhánh phía Nam

289 Điện Biên Phủ,
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 028 3933 0669

Quảng cáo và phát hành

Tại tòa soạn: 080.48310 / 0905 646 814
Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Price 19.500 VND

Nguyễn Thị Thùy Liên, Nguyễn Thanh Liêm: Cơ quan cung cấp thông tin tín dụng và cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ASEAN.....	77
Phan Văn Thanh, Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Yến, Đào Thanh Bình, Thái Thu Thủy: Mức độ ứng dụng CNTT trong công tác quản lý điều hành cấp khoa - viện tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội: Thực trạng và giải pháp	81
Diệp Thanh Tùng, Lâm Thị Ngân: Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.....	85
Nguyễn Duy Thành: Tính bền vững trong quản trị chuỗi cung ứng của ngành da giày tại Việt Nam.....	90
Nguyễn Tấn Trung, Nguyễn Hà Thanh Bình: Các nhân tố tác động đến giá trị thương hiệu doanh nghiệp cà phê quy mô nhỏ và vừa tại thị trường TP. Hồ Chí Minh.....	93
Bùi Ngọc Tú: Xây dựng mô hình lý thuyết các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch khi đến tỉnh Hòa Bình.....	97
Đặng Thị Thúy Duyên: Các nhân tố tác động tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng.....	100
Nguyễn Quyết Thắng, Lê Vũ An: Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Chi nhánh khu vực Thủ Đức	104
Từ Thảo Hương Giang: HÀi lòng công việc của nữ giảng viên trong các trường đại học tại Việt Nam: Mối quan hệ giữa HÀi lòng công việc và các biến nhân khẩu học.....	109
Lê Thị Thanh Hà: Động lực người tiêu dùng mỹ phẩm đóng góp nội dung trên mạng xã hội	113
Bùi Nhật Quỳnh, Thân Trọng Thụy: Đánh giá thực trạng hoạt động du lịch có trách nhiệm của các doanh nghiệp lữ hành ở Việt Nam	118
Võ Thị Kim Thu: Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đến sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long	121
Trương Thục Linh: Thực trạng cung ứng và sử dụng thuốc bảo hiểm y tế tại trạm y tế xã	126
Bùi Thị Hải Yến, Trần Quốc Bình, Bùi Hoàng Nam Sơn: Quản trị an ninh thương hiệu của doanh nghiệp.....	131
Nguyễn Thị Việt Lê, Nguyễn Thị Vân Anh: Phân tích tài chính ngân hàng thương mại hậu M&A - Một số vấn đề về lý thuyết.....	135
Trần Văn Thắng: Năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu.....	139

Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

DIỆP THANH TÙNG*
LÂM THỊ NGÂN**

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Kết quả cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, bao gồm: Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản; Dân tộc; Tuổi của chủ hộ; Diện tích đất; Quan hệ xã hội; Thời gian sinh sống tại địa phương; Giới tính của hộ. Qua đó, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn Huyện.

Từ khóa: tiếp cận tín dụng, nông hộ, huyện Châu Thành, Trà Vinh

Summary

The study is to identify factors impacting the access to formal credit of farmers in Chau Thanh district, Tra Vinh province. The result reveals 7 factors including: Aquaculture; Ethnic group; Age of household head; Land area; Social relation; Living time in the locality; Gender of household. From this finding, the authors propose a number of implications to further improve the access to formal credit of local farmers.

Keywords: access to credit, farmers, Chau Thanh district, Tra Vinh

GIỚI THIỆU

Châu Thành là một huyện nông nghiệp thuộc tỉnh Trà Vinh. Điều kiện tự nhiên của huyện Châu Thành rất thuận lợi cho việc trồng lúa, cây màu, cây ăn trái, chăn nuôi bò và nuôi thủy sản. Thời gian qua, sản xuất nông nghiệp của Huyện đã có sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ ở nông thôn... Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn, huyện Châu Thành cần rất nhiều nguồn vốn, trong đó có vốn

tín dụng chính thức cho các hộ nông dân để đầu tư phát triển sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay, việc tiếp cận vốn tín dụng chính thức của các hộ nông dân trong Huyện còn hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh” là cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ

Trên cơ sở lý thuyết và lược khảo tài liệu của các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả tổng hợp và đề

* TS., Trường Đại học Trà Vinh

** Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Trà Vinh

Ngày nhận bài: 03/09/2019; Ngày phản biện: 19/09/2019; Ngày duyệt đăng: 23/09/2019

**BẢNG 1: TỔNG HỢP CÁC BIẾN VÀ DẤU KỶ VỌNG DỰ KIẾN
CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA NÔNG HỘ**

STT	Tên biến	Ý nghĩa của các biến	Đơn vị đo lường	Dấu kỳ vọng	Lược khảo tài liệu
1	Trình độ học vấn (X_1)	- Giá trị 0 là chủ hộ không biết chữ - Giá trị 1, 2, 3 là chủ hộ có trình độ học vấn cấp 1, cấp 2 và cấp 3		+/-	Phạm Bảo Quốc và Nguyễn Thị Búp (2016); Li et al (2011); Trần Thị Kim Phượng (2016); Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011); Nuryartono et al (2005)
2	Nghề nghiệp chăn nuôi (X_2)	- Giá trị 1 là nghề nghiệp chăn nuôi - Giá trị 0 ngược lại		+	Nhóm tác giả đề xuất
3	Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản (X_3)	- Giá trị 1 là nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản - Giá trị 0 ngược lại		+	Nhóm tác giả đề xuất
4	Dân tộc (X_4)	- Giá trị 1 là dân tộc Kinh - Giá trị 0 là dân tộc Khmer		+/-	Phan Đình Khôi (2013); Nguyễn Văn Vũ An và cộng sự (2016); Phan et al (2013)
5	Tuổi của chủ hộ (X_5)	Tuổi của chủ hộ được tính từ năm sinh đến thời điểm phỏng vấn		+/-	Phan Đình Khôi (2013); Trần Thị Kim Phượng (2016); Phan et al (2013)
6	Diện tích đất (X_6)	Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		+	Nguyễn Văn Vũ An và cộng sự (2016); Trần Thị Kim Phượng (2016)
7	Quan hệ xã hội (X_7)	- Giá trị 1 là chủ hộ có người thân làm ở các tổ chức tín dụng chính thức, hay ở các cơ quan nhà nước - Giá trị 0 ngược lại		+	Nguyễn Văn Vũ An và cộng sự (2016); Li et al (2011); Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011); Vương Quốc Duy và Đặng Hoàng Trung (2015)
8	Thời gian sinh sống tại địa phương (X_8)	Thời gian sinh sống tại địa phương của hộ (được tính từ năm bắt đầu sống tại địa phương cho đến thời điểm phỏng vấn)	Năm	+	Phạm Bảo Quốc và Nguyễn Thị Búp (2016); Trần Thị Kim Phượng (2016)
9	Khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện (X_9)	Khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện	Km	+/-	Trần Thị Kim Phượng (2016); Li et al (2011)
10	Giới tính của chủ hộ (X_{10})	- Giá trị 1 là chủ hộ nam - Giá trị 0 là chủ hộ nữ		+	Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011); Vương Quốc Duy và Đặng Hoàng Trung (2015)
11	Số thành viên trong gia đình (X_{11})	Số người trong gia đình	Người	+/-	Li et al (2011); Nuryartono et al (2005)
12	Lao động chính (X_{12})	Số lao động chính của hộ	Người	+	Nhóm tác giả đề xuất
13	Biến phụ thuộc: Khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức	- Nhận giá trị 1 khi nông hộ tiếp cận được vốn tín dụng chính thức - Nhận giá trị 0 khi nông hộ không tiếp cận được vốn tín dụng chính thức			

Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của nhóm tác giả

xuất 12 biến độc lập có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, gồm có: Trình độ học vấn, Nghề nghiệp chăn nuôi, Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản, Dân tộc, Tuổi của chủ hộ, Diện tích đất, Quan hệ xã hội, Thời gian sinh sống tại địa phương của hộ, Khoảng cách từ nơi sinh sống đến trung tâm huyện, Giới tính của chủ hộ, Số

thành viên trong gia đình (quy mô hộ), Lao động chính và 1 biến phụ thuộc là Khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Bảng 1).

Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập bằng

BẢNG 2: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA NÔNG HỘ

TÊN BIẾN	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
X ₁	,341	,384	,790	1	0,374	1,407
X ₂	,767	,645	1,416	1	0,234	2,154
X ₃	3,951	1,533	6,640	1	0,010**	51,987
X ₄	1,413	,623	5,139	1	0,023**	4,109
X ₅	-,109	,052	4,359	1	0,037**	,897
X ₆	,913	,214	18,197	1	0,000***	2,491
X ₇	3,211	1,260	6,493	1	0,011**	24,805
X ₈	,144	,038	14,104	1	0,000***	1,155
X ₉	-,016	,084	,038	1	0,846	,984
X ₁₀	-1,601	,736	4,732	1	0,030**	,202
X ₁₁	,241	,376	,410	1	0,522	1,272
X ₁₂	-,394	,421	,876	1	0,349	,675
HÀNG SỐ	-3,755	2,180	2,968	1	0,085	,023

Ghi chú: ***, ** lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức là 1% và 5%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

cách phỏng vấn trực tiếp 179 nông hộ làm nghề sản xuất nông nghiệp tại 6 xã thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh từ tháng 5-8/2019, theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Sau khi thu thập dữ liệu, nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ. Phần mềm SPSS phiên bản 20 được dùng để hỗ trợ cho phân tích dữ liệu.

Dựa vào mô hình hồi quy tổng quát và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ trong mẫu khảo sát, mô hình nghiên cứu được trình bày, như sau:

$$KNTC_{TDCT} = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9 + \beta_{10} X_{10} + \beta_{11} X_{11} + \beta_{12} X_{12}$$

Trong đó:

- $KNTC_{TDCT}$ là biến phụ thuộc, thể hiện khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ.
- X_1, \dots, X_{12} là các biến độc lập.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả phân tích mô hình Binary Logistic cho thấy, kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,000 < 0,001 (độ tin cậy 99%), nên các biến độc lập đưa vào mô

hình có quan hệ tuyến tính với biến phụ thuộc. Mô hình có giá trị $-2LL = 84,03$, thể hiện mức độ phù hợp rất tốt của mô hình tổng thể. Mức độ dự báo đúng toàn bộ của mô hình là 91,6%.

Theo phân tích ở Bảng 2, trong số 12 biến độc lập đưa vào mô hình, thì có 7 biến độc lập có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và 5%, có mối quan hệ tương quan với biến phụ thuộc. Trong đó, có 5 biến: Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản, Dân tộc, Diện tích đất, Quan hệ xã hội, Thời gian sinh sống tại địa phương có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ. Ngược lại, Tuổi của chủ hộ và Giới tính của chủ hộ có quan hệ nghịch với biến phụ thuộc, có nghĩa là làm giảm khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ. Các biến còn lại: Trình độ học vấn, Nghề nghiệp chăn nuôi, Khoảng cách từ nơi hộ sinh sống đến trung tâm huyện, Số thành viên trong gia đình và Lao động chính không có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, do không có ý nghĩa thống kê.

Như vậy, mô hình khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ được xác định như sau:

$$KNTC_{TDCT} = -3,755 + 3,951 * X_3 + 1,413 * X_4 - 0,109 * X_5 + 0,913 * X_6 + 3,211 * X_7 + 0,144 * X_8 - 1,601 * X_{10}$$

Phân tích cụ thể từng nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, đa số có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, như sau:

- Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản (X_3): có mối quan hệ thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Sig. = 0,010 < 0,05 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Như vậy, chủ hộ có nghề nghiệp chính là nuôi trồng thủy

sản, thì dễ tiếp cận với vốn tín dụng chính thức hơn các chủ hộ làm các ngành nghề khác.

- Dân tộc (X_4): có mối quan hệ thuận với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Sig. = 0,023 < 0,05 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Những năm gần đây, Nhà nước có nhiều chính sách tín dụng ưu đãi đối với vùng đồng bào dân tộc Khmer, nên những hộ người dân tộc Khmer có nhiều thuận lợi để tiếp cận với vốn tín dụng chính thức. Kết quả này tương tự như nghiên cứu của Phan Đình Khôi (2013); Nguyễn Văn Vũ An và cộng sự (2016)...

- Tuổi của chủ hộ (X_5): có mối quan hệ nghịch với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Sig. = 0,037 < 0,05 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Điều này có nghĩa là, chủ hộ có tuổi càng cao, thì khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức càng thấp. Kết quả này đã được tìm thấy trong nghiên cứu của Phan Đình Khôi (2013); Trần Thị Kim Phượng (2016). Điều này là do, thông thường các chủ hộ lớn tuổi có trách nhiệm hơn đối với các khoản vay và quan trọng hơn là họ đã có của cải tích lũy, có tài sản và vì thế, nhu cầu vay vốn ít hơn các chủ hộ trẻ tuổi.

- Diện tích đất (X_6): có mối quan hệ cùng chiều với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, ý nghĩa thống kê ở mức 1% (vì Sig. = 0,000 < 0,01 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Chủ hộ có diện tích đất lớn, thì khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức sẽ cao. Kết quả này tương tự như kết quả nghiên cứu của Trần Thị Kim Phượng (2016). Nguyên nhân là do: đất sản xuất nông nghiệp là một trong những điều kiện quan trọng cho nông hộ mở rộng sản xuất, nếu mở rộng sản xuất với quy mô lớn, thì cần có vốn, từ đó nhu cầu vay vốn sẽ tăng. Đồng thời, diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn sẽ là cơ sở để các tổ chức tín dụng xem xét cho vay với mục đích sản xuất. Một vấn đề quan trọng nữa là nông hộ sở hữu diện tích đất lớn sẽ có lợi thế về mặt tài sản thế chấp khi vay vốn tín dụng chính thức.

- Quan hệ xã hội (X_7): có mối quan hệ cùng chiều với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Sig. = 0,011 < 0,05 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Biến này được giải thích như sau: chủ hộ hoặc người trong gia đình có người thân, bạn bè làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức tín dụng, các tổ chức đoàn thể, thì có mối quan hệ xã hội rộng rãi, quen biết nhiều, nên dễ tiếp cận vốn tín dụng chính thức hơn so với chủ hộ không có quan hệ xã hội. Kết quả này đã được tìm thấy trong nghiên cứu của Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011)...

- Thời gian sinh sống tại địa phương (X_8): có mối quan hệ cùng chiều với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, ý nghĩa thống kê ở mức 1% (vì Sig. = 0,000 < 0,01 và dấu của tham số ước lượng đúng với kỳ vọng ban đầu). Điều này đã được chỉ ra trong nghiên cứu của Phạm Bảo Quốc và Nguyễn

Thị Búp (2016); Trần Thị Kim Phượng (2016). Như vậy, số năm sinh sống của chủ hộ tại địa phương càng lâu, thì khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ càng cao, do chỗ ở lâu năm gắn chặt với trách nhiệm và cam kết trả nợ vay. Bên cạnh đó, thời gian sinh sống tại địa phương của chủ hộ gắn liền với việc tích lũy của cải, tài sản, đảm bảo các điều kiện khi vay vốn, nhất là về tài sản thế chấp theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng.

- Giới tính (X_{10}): có mối quan hệ ngược chiều với biến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ (Sig. = 0,030 < 0,05 và mang dấu âm, trái với kỳ vọng ban đầu). Dấu của tham số ước lượng âm cho thấy, chủ hộ là nam thì khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức sẽ thấp hơn chủ hộ là nữ, giảm 16%. Kết quả này được tìm thấy trong nghiên cứu của Vương Quốc Duy và Đặng Hoàng Trung (2015). Có thể thấy, khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ nữ tăng lên so với trước đây, do phụ nữ ngày nay ngoài nội trợ, còn tham gia các đoàn thể, tổ chức ở địa phương và họ có trách nhiệm hơn trong việc hoàn trả các khoản nợ vay, nên được các tổ chức tín dụng cho vay với số tiền lớn.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Nghiên cứu đã chỉ ra 7 nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bao gồm: Nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản, Quan hệ xã hội, Dân tộc, Diện tích đất, Thời gian sinh sống tại địa phương, Tuổi và Giới tính của chủ hộ. 5 nhân tố còn lại không có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ, đó là: Học vấn của chủ hộ, Nghề nghiệp chăn nuôi, Khoảng cách từ nơi sinh sống đến trung tâm huyện, Số thành viên trong gia đình, Số lao động chính của hộ.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của nông hộ tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, như sau:

Thứ nhất, các nông hộ có nghề nghiệp chính là nuôi trồng thủy sản (cụ thể là nuôi cá lóc), thì khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức dễ dàng hơn. Vì

vậy, cần tiếp tục phát huy đối với những lần vay vốn tiếp theo và là khách hàng truyền thống của các tổ chức tín dụng. Về phía chính quyền địa phương, cần tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng mô hình nuôi cá lóc để các nông hộ khác có thể học hỏi kinh nghiệm cùng nhau sản xuất và phát triển kinh tế của địa phương (qua khảo sát chỉ có 31 hộ có mô hình nuôi cá lóc và hầu hết các hộ này là những người trẻ và có học vấn trình độ từ cấp 2 trở lên, nên việc tiếp cận khoa học kỹ thuật thuận lợi, quá trình nuôi đạt hiệu quả cao). Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng nên quan tâm cho các nông hộ này vay vốn với mức lãi suất phù hợp và thời gian cho vay dài hạn.

Thứ hai, những chủ hộ trẻ tuổi cần học hỏi thêm kinh nghiệm, năng động, linh hoạt trong sản xuất, nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất thiết thực hiệu quả, mang lại giá trị kinh tế cao, tạo cơ sở để các tổ chức tín dụng xem xét cho vay vốn.

Thứ ba, để khắc phục tình trạng nông hộ không có và có ít diện tích đất, không đủ điều kiện thế chấp khi vay vốn làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp

cận vốn tín dụng chính thức của hộ, chính quyền địa phương, nhất là các tổ chức chính trị - xã hội cần liên kết với các tổ chức tín dụng để thông qua các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...) triển khai kịp thời các quy định mới về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và tháo gỡ khó khăn cho nông hộ ổn định cuộc sống và sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, các nông hộ có thời gian sinh sống tại địa phương lâu năm gắn với trách nhiệm, uy tín và trả nợ đúng kỳ hạn vay vốn các tổ chức tín dụng nên trở thành khách hàng truyền thống, tin cậy của các tổ chức tín dụng. Đối với những hộ có thời gian sinh sống tại địa phương ngắn hơn, thì cần liên hệ, tạo lập mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, nêu cao trách nhiệm, thực hiện đúng nghĩa vụ của người đi vay là tuân thủ thực hiện đúng quy trình, thủ tục vay vốn, cam kết trả nợ đúng hạn, tạo uy tín, niềm tin đối với các tổ chức tín dụng.

Thứ năm, chính quyền địa phương và các tổ chức tín dụng cần quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các nông hộ không có người thân, bạn bè công tác ở các cơ quan nhà nước và tổ chức tín dụng được vay vốn tín dụng. Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng cần cải tiến quy trình, thủ tục vay vốn, rút ngắn thời gian xét duyệt cho vay để các hộ có vốn kịp thời, đảm bảo cho mùa vụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở địa phương phát triển ổn định, bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Vũ An, Phạm Phi Hùng và Bùi Hoàng Nam (2016). Đánh giá khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ tại xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, số 22, tháng 7/2016, tr. 28-38
2. Vương Quốc Duy và Đặng Hoàng Trung (2015). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo trên địa bàn quận Ô Môn, Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 28, tr. 38-53
3. Phan Đình Khôi (2013). Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức và phi chính thức của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 28, tr. 38-53
4. Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011). Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở An Giang, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 60, tr. 8-15
5. Trần Thị Kim Phượng (2016). *Phân tích các yếu tố tác động đến khả năng vay vốn tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, Luận văn thạc sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
6. Phạm Bảo Quốc và Nguyễn Thị Búp (2016). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, số 22, tháng 7/2016, tr. 10-18
7. Li Xia, Christopher Gan, Baiding Hu (2011). Accessibility to microcredit by Chinese rural households, *Journal of Asian Economics*, 22, pp. 235-246
8. Nuryartono N, Zeller M., Stefan Schwarze (2005). *Credit Rationing of Farm Households and Agricultural production: Empirical Evidence in the Rural Areas of Central Sulawesi, Indonesia*, Conference on International Agricultural Research of Development Stuttgart-Hohenheim, October 11-13
9. Phan Dinh Khoi, Christopher Gan, Gilbert V. Nartea, David A. Cohen (2013). Formal and informal rural credit in the Mekong River Delta of Vietnam: Interaction and accesibility, *Journal of Asian Economics*, 26, pp. 1-13